

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh Thúy
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:* 1. Ông Thái Quang Định
2. Bà Vũ Thị Xuyên
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2020.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Tổ 23A, khu 5, phường B, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Phạm Văn K**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Khu 5A, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Văn K, kết hôn ngày 25/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh K

mãi mê cờ bạc, không tu chí làm ăn. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng chị Tr và anh K đã sống ly thân. Năm 2019, anh K đã phải đi cai nghiện tập trung. Sau khi hết thời hạn, trở về địa phương nhưng anh K không thay đổi cách sống, mặc dù đã được gia đình khuyên nhủ. Cho đến nay, chị Tr thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh K không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr đề nghị được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về nuôi con chung: Chị Tr và anh K có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Anh Hằng, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2011. Chị Tr đề nghị được nuôi cháu H và anh K không phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung: chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K không có ý kiến và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của mình.

Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2020, đại diện tổ dân khu phố nơi chị Tr và anh K sinh sống cho biết: quá trình chung sống tại địa phương chị Tr và anh K đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2012 chị Tr cùng cháu H đã về nhà ngoại ở phường B sinh sống cho đến nay. Anh K vẫn ở tại phường V nhưng đã từng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc vào năm 2019. Nay chị Tr làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung đủ 07 tuổi, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị được giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quan điểm đã thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn vắng mặt không lý do và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Văn K đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, cho chị Tr được ly hôn với anh K. Giao con chung cháu Phạm Nguyễn Anh Hằng cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện vụ án dân sự “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” với bị đơn anh Phạm Văn K, có địa chỉ tại thành phố Uông Bí nên Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí có thẩm quyền giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T và bị đơn anh Phạm Văn K là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Uông Bí trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn, thấy rằng lời khai của nguyên đơn là có cơ sở. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tr và anh K đã kéo dài từ năm 2012 cho đến nay, nguyên nhân là do anh K, không tu chí làm ăn và nghiện ma túy phải đi cai nghiện tập trung theo quyết định của Tòa án. Sau khi chấp hành xong quyết định trên trở về địa phương, gia đình nhưng anh K không cải sửa. Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K không có bất cứ ý kiến phản hồi nào và cũng không có mặt các buổi làm việc, phiên hòa giải và phiên tòa. Việc này thể hiện anh K không tích cực trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không mong muốn vợ chồng được đoàn tụ mà hoàn toàn bỏ mặc. Như vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Tr và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr, cho chị Tr được ly hôn với anh K để chị Tr sớm ổn định cuộc sống là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Văn K có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Anh Hằng sinh ngày 10 tháng 02 năm 2011. Qua lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện cháu H đang ở ổn định với chị Tr tại gia đình nhà ông bà ngoại. Quá trình giải quyết vụ án cháu H có ý kiến mong muốn được ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị Tr. Giao con chung cháu Phạm Nguyễn Anh H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung:* đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trang phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phạm Nguyễn Anh H, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2011 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Thời điểm nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 9 năm 2020, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d theo biên lai thu 0003438 ngày 6 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Uông Bí;
- Chi cục THA dân sự tp. Uông Bí;
- UBND p. V (nơi ĐKKH).
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Thuý

